|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CP CODEGYM VIỆT NAM**  Số: /QĐ-CG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt điều chỉnh quy định trả thù lao giảng viên**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP CodeGym Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-CG ngày 15/5/2018 của Tổng Giám đốc Công ty CP CodeGym Việt Nam về việc Quy định trả thù lao cho Giảng viên;

Căn cứ tình hình kinh doanh và triển khai đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi Mục 1 – Chế độ thù lao giảng viên và Mục 3 – Quy định cụ thể của Quyết định số 03/QĐ-CG ngày 15/5/2018 của Tổng Giám đốc Công ty CP CodeGym Việt Nam về việc Quy định trả thù lao cho Giảng viên, như sau:

1. Định mức áp dụng cho chương trình CGC:

* Quy mô <15 học viên: 1.000.000đ/tháng
* Quy mô 16 - 20 học viên: 1.500.000đ/tháng
* Quy mô 21 - 30 học viên: 2.000.000đ/tháng

1. Định mức CG được review định kỳ 1 năm 1 lần.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2019.

**Điều 3.** Bộ phận đào tạo CodeGymHQ, bộ phận đào tạo các chi nhánh, bộ phận vận hành, Giám đốc đào tạo các chi nhánh và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, NS.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**QUY ĐỊNH TRẢ THÙ LAO CHO GIẢNG VIÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CG ngày / /*

*của Tổng Giám đốc Công ty CP CodeGym Việt Nam)*

**1. CHẾ ĐỘ THÙ LAO GIẢNG VIÊN**

**Cấp bậc thù lao Giảng viên (tính theo giờ):** chia làm 35 bậc, ký hiệu từ CG1 – CG35

Đơn vị tính: 1.000vnđ

| **Bậc CG** | **Instructor (\*) (tính trên giờ)** | **Mentor (\*80% tính trên giờ)** | **Tutor (\*50%) (tính trên giờ)** |
| --- | --- | --- | --- |
| CG1 | 160 | 128 | 80 |
| CG2 | 170 | 136 | 85 |
| CG3 | 180 | 144 | 90 |
| CG4 | 190 | 152 | 95 |
| CG5 | 200 | 160 | 100 |
| CG6 | 210 | 168 | 105 |
| CG7 | 220 | 176 | 110 |
| CG8 | 230 | 184 | 115 |
| CG9 | 240 | 192 | 120 |
| CG10 | 250 | 200 | 125 |
| CG11 | 260 | 208 | 130 |
| CG12 | 270 | 216 | 135 |
| CG13 | 280 | 224 | 140 |
| CG14 | 290 | 232 | 145 |
| CG15 | 300 | 240 | 150 |
| CG16 | 310 | 248 | 155 |
| CG17 | 320 | 256 | 160 |
| CG18 | 330 | 264 | 165 |
| CG19 | 340 | 272 | 170 |
| CG20 | 350 | 280 | 175 |
| CG21 | 360 | 288 | 180 |
| CG22 | 370 | 296 | 185 |
| CG23 | 380 | 304 | 190 |
| CG24 | 390 | 312 | 195 |
| CG25 | 400 | 320 | 200 |
| CG26 | 410 | 328 | 205 |
| CG27 | 420 | 336 | 210 |
| CG28 | 430 | 344 | 215 |
| CG29 | 440 | 352 | 220 |
| CG30 | 450 | 360 | 225 |
| CG31 | 460 | 368 | 230 |
| CG32 | 470 | 376 | 235 |
| CG33 | 480 | 384 | 240 |
| CG34 | 490 | 392 | 245 |
| CG35 | 500 | 400 | 250 |

**Giải thích chế độ ứng với Instructor:**

* Định mức CG là định mức trả cho 1 giờ dạy (60 phút) lý thuyết hay giờ phỏng vấn đánh giá cuối module.

**Giải thích chế độ ứng với Mentor:**

* Tính theo nhóm Dự án mà mentor nhận Support. Review code của 1 nhóm Dự án một lần được tính tương đương 1 tiếng giảng dạy.
* Định mức thù lao của Mentor bằng 80% so với định mức của Instructor

**Giải thích chế độ ứng với Tutor:**

* Định mức CG là định mức trả cho 1 giờ thực hành (60 phút)
* Định mức của tutor bằng 50% so với định mức của Instructor.

**Chi phí Coach:**

* GV nhận thêm vai trò Coach thì được nhận thêm chi phí Coach theo lớp. Mức chi phí này sẽ tùy vào từng chương trình học, từng lớp với số lượng học viên tương ứng.
* Định mức áp dụng cho chương trình CGC:
  1. Quy mô <15 học viên: 1.000.000đ/tháng
  2. Quy mô 16 - 20 học viên: 1.500.000đ/tháng
  3. Quy mô 21 - 30 học viên: 2.000.000đ/tháng

**2. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Quy định trả thù lao này áp dụng cho đối tượng là GV (Instructor, Mentor, Tutor, Coach) tham gia cộng tác giảng dạy tại CodeGym.

**3. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

* + Bộ phận đào tạo thống kế giờ giảng dạy trong tháng và gửi nhân sự vào ngày cuối cùng của tháng đó.
  + Lương được tính và nhận vào tuần đầu tháng sau (từ 5-10 hàng tháng).
  + Bộ phận nhân sự sẽ rà soát lại định mức lương định kỳ vào cuối tháng dựa trên thống kê của bộ phận đào tạo.
  + Đối với những lớp tính từ ngày khai giảng đến cuối tháng không đủ 15 ngày, lương trách nhiệm của Coach sẽ được tính bằng 50% định mức thông thường.
  + Định mức CG được review định kỳ 1 năm 1 lần.

**4. HƯỚNG DẪN XẾP LƯƠNG CHO GIẢNG VIÊN KHI TUYỂN DỤNG**

* + Bảng này dùng để đánh giá và xếp lương khi tuyển dụng.
  + Cách cho điểm: CÓ ĐIỂM XUẤT SẮC thì mới cho điểm (không phải 1 là bình thường, 2 là giỏi, 3 là xuất sắc). Mỗi 1 điểm được nhận trong bất kỳ hạng mục nào dưới đây sẽ tương tương với 1 bậc.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Mức điểm** | **Cách cho điểm** |
| 1 | Học vị | Từ 0 - 3 | Thạc sỹ cộng 1 điểm, tiến sĩ cộng 2 điểm  Có công trình nghiên cứu hoặc dự án/sản phẩm chuyên môn xuất sắc thì cộng 1 điểm |
| 2 | Kinh nghiệm giảng dạy | Từ 0 - 3 | - Có kinh nghiệm giảng dạy lập trình từ 1-2 năm: được 1 điểm, 3-5 năm được 2 điểm và trên 5 năm được 3 điểm.  - Tuy nhiên, phải căn cứ vào năng lực giảng dạy của ứng viên trong quá trình phỏng vấn để cho điểm, không phải cứ đủ năm kinh nghiệm thì nghiễm nhiên sẽ được điểm theo mức trên (dựa form đánh giá trong phiên giảng thử) |
| 3 | Kinh nghiệm làm phần mềm | Từ 0 - 3 | - Với các ứng viên có kinh nghiệm làm lập trình tại các doanh nghiệp, từ 2-3 năm: 1 điểm, từ 3-5 năm: 2 điểm, hơn 5 năm: 3 điểm  - Tuy nhiên, kinh nghiệm này phải căn cứ vào năng lực chuyên môn cụ thể của UV mới có thể đánh giá |
| 4 | Tính cách, thái độ | Từ 0 - 1 | - Với các UV có tính cách và thái độ phù hợp với CodeGym và mô hình đào tạo mà CodeGym triển khai, có tính cam kết cao. Hoặc đánh giá cảm tính của Hội đồng tuyển dụng |
| 5 | Yếu tố khác | Từ 0 - 5 | - Yếu tố này thay đổi tùy theo thời điểm. Ví như vị trí đó khó tuyển, khan hiếm nhân lực, ứng viên tên tuổi trong giới chuyên môn, hoặc cần thu hút người từ nơi khác về. |